TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 65/2019/ HNGĐ-PT
Ngày:17/04 /2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội
Với thành phần hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng;

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền;
Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thúy Hương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Dương Thị Xuân Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLPT- HN&GĐ ngày 07 tháng 03 năm 2019 vụ tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HN&GĐ-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2019/QĐPT- HN&GĐ ngày 22/03/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T sinh năm 1980

Địa chỉ: Cụm 1 xã NT, huyện P, thành phố Hà Nội.(Có mặt)

Bị đơn : Chị Lê Thị H sinh năm 1982

Địa chỉ: Cụm 1 xã NT, huyện P, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Ng□ời có quyền lợi nghĩa vu liên quan:

1-Ông Vũ Xuân D, sinh năm 1953

Địa chỉ: Cụm 1 xã NT, huyện P, thành phố Hà Nội.

2-Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952

Địa chỉ: Cụm 1 xã NT, huyện P, thành phố Hà Nội.

3- Anh Vũ Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Cụm 1 xã NT, huyện , thành phố Hà Nội.

Ông Vũ Xuân D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Anh T là nguyên đơn trình bày: Anh T và chị H đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2002 tại UBND xã NT, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới chị H về sống chung với gia đình anh T được khoảng 05 tháng thì gia đình anh T cho vợ chồng ở riêng ra thửa đất khác, trên đất có một ngôi nhà 03 gian mái lợp ngói, tường xây gạch chỉ. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau không có mâu thuẫn gì nhưng đến khoảng tháng 2/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau thường cãi nói nhau. Chị H đi khỏi gia đình anh vào tháng 02/2018. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tồn tại được, anh xin được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh và chị H, sinh được 03 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc T, sinh ngày 18/12/2003; cháu Vũ Thị Tuyết C, sinh ngày 17/9/2007 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 25/3/2011. Khi ly hôn anh xin nuôi cả 3 cháu anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu không được nuôi 3 cháu thì anh xin nuôi cháu Chinh hoặc cháu Huy. Nếu chị H nuôi 2 cháu thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cho 1 cháu là 1.000.000 đ/1 tháng.

Về tài sản hiện anh T đang quản lý sử dụng. Hội đồng định giá đã định giá gồm: 01 ngôi nhà ngang 03 gian mái lợp ngói đã cũ: 4.690.000đ, nhà do bố mẹ anh làm trước khi cưới anh T, chị H.

01 ngôi nhà 03 gian mái lợp ngói bờ lô xi măng xây năm 2004 trị giá: 42.725.000 đồng. Trong đó có số tiền vợ chồng là tiền sửa lại mái nhà làm bằng mái tôn: 2.770.000 đ và lát lại nền nhà: 3.780.000đ.

01 giếng khoan sâu khoảng 18m: 538.000đồng; Một téc nước 01 khối:800.000đồng; 01 sập gụ thờ: 20.000.000đồng; 01 máy giặt:2.000.000đồng; 01 sập phản gỗ gụ để ngồi: 25.000.000đồng; 01 bộ đỉnh đồng (có cả 2 cây nến và 02 con hạc); 15.000.000đồng; 01 máy lọc nước:1.500.000đồng; 01 điều hòa:4.000.000đồng; 01 tủ quần áo ba buồng (gỗ sồi): 4.000.000đồng; 01 tủ lạnh SHARP: 1.000.000đồng; 01 ti vi sony 43inh giá đã bị hỏng trị giá 300.000đồng; 01 nhà tắm 01 nhà vệ sinh làm 2013: 17.353.000đồng; Sân gạch lát gạch bát: 5.644.000đồng; Tường bao xung quanh thửa đất:18.862.000đồng; Xây tường kè bờ ao làm năm 2013: 4.769.000đồng; Tường hoa: 604.000đồng; 01 máy bơm nước mua 2012: 600.000đồng; 02 cánh cổng sắt: 1.040.000đồng; Mái tôn phía sau nhà: 3.696.000đồng; Sân bê tông phía sau nhà: 2.335.000đồng;Tiền thuê máy múc đất lấp ao hết 10 tiếng : 3.000.000đồng; 15 xe ô tô đổ đất màu lên để trồng cây:

15.000.000đồng (Anh T chỉ thừa nhận đổ đất hết 600.000đ) diện tích đất ao và diện tích lấn thêm khoảng hơn một sào, đổ đất màu cao khoảng 20 cm; Tiền thuê máy múc đất từ ao ông Nguyễn Văn Được vào diện tích đất kè bờ ao: 10 tiếng x 300.000đ/1 tiếng = 3.000.000đồng

Khi ly hôn chị H yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng cho anh và chị H mỗi người ½ tài sản, anh đồng ý, nhưng trước khi chia anh đề nghị Tòa án trừ đi các tài sản của bố, mẹ gồm: Một bộ đỉnh đồng: 15.000.000đ, sập gụ: 20.000.000đ, ngôi nhà 3 gian xây năm 2004: 42.725.000đ và ngôi nhà 03 gian mái lợp ngói, bố mẹ anh làm trước khi cưới anh: 4.690.000đ. Vì nguồn tiền là của bố, mẹ anh mua và làm cho vợ chồng anh sử dụng. Khoản tiền xây kè bờ ao và tiền đổ đất lấp vào diện tích kè bờ ao là tiền của anh Thành có ½ của vợ chồng anh T có 1/2 Khi vợ chồng ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết để trả lại cho anh Thành ½ . số tài sản còn lại anh đồng ý chia đôi cho anh và chị H mỗi người ½ . Anh đề nghị Tòa án giao cho chị H bằng hiện vật như là điều hòa, sập gụ ngồi, tủ quần áo 03 buồng và một số tài sản khác, vì anh không có tiền để thanh toán trả cho chị H.Về công sức: Anh và chị H không có, vì vợ chồng chỉ ở chung với gia đình có mấy tháng.

-Về nợ chung: Anh và chị H không nợ của ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản gì.

-Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh T kết hôn với nhau vào ngày 14/11/2002 dương lịch , có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới chị về sống chung với gia đình anh T đến tháng 3/2003 âm lịch thì vợ chồng ở riêng ra thửa đất khác, trên đất có một ngôi nhà 03 gian mái lợp ngói do bố mẹ anh T xây từ trước khi cưới chị. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau không có mâu thuẫn gì nhưng sau đó thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau thường cãi nói nhau. Anh T đã đuổi chị ra khỏi gia đình anh vào tháng 02/2018. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị cũng xác nhận tình cảm vợ chông không còn, đời sống chung không thể tồn tại được, anh T xin được ly hôn chị, chị H đồng ý ly hôn anh T.

-Về con chung: Chị và anh T sinh được 03 con chung đúng như anh T trình bày. Hiện nay cả ba cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi 3 cháu, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh T xin nuôi con thì chị không đồng ý.

-Về tài sản chung của vợ chồng hiện anh T đang quản lý sử dụng. Hội đồng định giá đã định giá gồm: 01 ngôi nhà 03 gian mái lợp ngói bờ lô xi măng xây năm 2004 trị giá: 42.725.000 đồng;01 giếng khoan sâu khoảng 18m: 538.000đồng; Một téc nước 01 khối:800.000đồng; 01 sập gụ thờ: 20.000.000đồng; 01 máy giặt:2.000.000đồng; 01 sập phản gỗ gụ để ngồi: 25.000.000đồng; 01 bộ đỉnh đồng (có cả 2 cây nến và 02 con hạc); 15.000.000đồng; 01 máy lọc nước:1.500.000đồng; 01 điều hòa:4.000.000đồng; 01 tủ quần áo ba buồng (gỗ sồi): 4.000.000đồng; 01 tủ

lạnh SHARP: 1.000.000đồng; 01 ti vi sony 43inh giá đã bị hỏng trị giá 300.000đồng; 01 nhà tắm 01 nhà vệ sinh làm 2013: 17.353.000đồng; Sân gạch lát gạch bát: 5.644.000đồng; Tường bao xung quanh thửa đất:18.862.000đồng; Xây tường kè bờ ao làm năm 2013: 4.769.000đồng; Tường hoa: 604.000đồng; 01 máy bơm nước mua 2012: 600.000đồng; 02 cánh cổng sắt: 1.040.000đồng; Mái tôn phía sau nhà: 3.696.000đồng; Sân bê tông phía sau nhà: 2.335.000đồng;Tiền thuê máy múc đất lấp ao hết 10 tiếng : 3.000.000đồng; 15 xe ô tô đổ đất màu lên để trồng cây : 15.000.000đ (Anh T chỉ thừa nhận đổ đất hết 600.000đ) diện tích đất ao và diện tích lấn thêm ra ao ông Được khoảng hơn một sào, đổ đất màu cao khoảng 40cm, rộng khoảng 400m2; Tổng cộng = 199.466.000đồng

-Về công sức: không có

-Về nợ: không có

Về tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị H đã nộp 2.000.000đ để chi phí, nay chị tự nguyện chịu toàn bộ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân D và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày: Tiền làm nhà năm 2004 cho anh T và chị H sử dụng là tiền của vợ chồng ông, tiền mua sập gụ thờ, tiền mua bộ đỉnh đồng để thờ là tiền của ông và vợ ông. Nay anh T, chị H ly hôn, ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết trả lại ông, bà toàn bộ số tài sản này.

Anh Thành khai: Việc kè bờ ao và đổ đất lên diện tích kè bờ ao anh là người thuê người làm, tiền bỏ ra làm là tiền của anh và tiền của anh T, mỗi anh em có ½ . Khi anh T, chị H ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết trả lại cho anh ½ số tiền xây kè bờ ao và đổ đất lên diện tích lấn chiếm ra ao của xã NT.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HN-GĐ ngày 25/1/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1- Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H.

2-Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 18/12/2003 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 25/3/2011 cho chị Lê Thị H nuôi. Giao cháu Vũ Thị Tuyết C. Sinh ngày 17/9/2007 cho anh Vũ Văn T nuôi. Chấp nhận sự tự nguyện của Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Quang H cho chị Lê Thị H là: 1.000.000 đ/1 tháng, kể từ tháng 02/2019 đến khi cháu Vũ Quang H đủ 18 tuổi. Anh Vũ Văn T, chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Giao cho anh Vũ Văn T sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gồm:

Một ngôi nhà 03 gian mái lợp tôn làm năm 2004: 42.725.000đ; 01 giếng khoan sâu khoảng: 538.000đ; Một téc nước 01 khối: 800.000đ; 01 sập gụ thờ: 20.000.000đ; 01 máy giặt 2.000.000đ; 01 sập phản gỗ gụ : 25.000.000đ; 01 gộ đỉnh

đồng (có cả cây nến và 02 con hạc): 15.000.000đ; 01 máy lọc nước: 1.500.000đ; 01 điều hòa: 4.000.000đ; 01 tủ quần áo ba buồng (gỗ sồi): 4.000.000đ; 01 tủ lạnh SHARP: 1.000.000đ; 01 ti vi sony 43 inh giá 7.000.000đ; 01 nhà tắm 01 nhà vệ sinh làm 2013: 17.353.000đ; Sân gạch lát gạch bát:5.644.000đ; Tường bao xung quanh thửa đất: 18.862.000đ; Xây tường kè bờ ao làm năm 2013: 4.769.000đ; Tường hoa: 604.000đ; 01 máy bơm nước mua 2012: 600.000đ: 02 cánh cổng sắt: 1.040.000đ; Mái tôn phía sau nhà: 3.696.000đ; Sân bê tông phía sau nhà: 2.335.000đ Tiền thuê máy múc múc đất lấp ao hết 10 tiếng: 3.000.000đ; 15 xe ô tô đổ đất màu lên để trồng cây: 15.000.000 đ; giá trị tiền đổ đất vào diện tích đất kè bờ ao: 3.000.000đ. Tổng cộng= 199.466.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

Anh Vũ Văn T thanh toán trả chị Lê Thị H số tiền tài sản là: 97.790.000đ (chín mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) .

Anh Vũ Văn T phải trả cho anh Vũ Văn T là 3.884.000đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 31 tháng 01 năm 2019 ông Vũ Xuân D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét công nhận nhà cấp 4, sập gụ thờ, bộ đỉnh thờ là tài sản của riêng ông Vũ Xuân D .

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của ông Vũ Xuân D trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

2- Về yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Xuân D.

Ông D yêu cầu Tòa án xác định tài sản bộ đỉnh đồng, bộ sập gụ, 01nhà cấp 4 hiện do anh T đang quản lý sử dụng là của ông không phải là tài sản chung vợ chồng

của anh T, chị H để chia. Đề nghị Tòa án phúc thẩm giải quyết trả lại cho ông những tài sản trên, số tài sản trên đất còn lại lúc đó mới chia cho vợ chồng anh T chị H.

Hội đồng xét xử xét: Anh T, chị H kết hôn từ năm 2002 có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã NT, huyện P, Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ chồng tại xã NT, P, Hà Nội. Đến đầu năm 2003 anh T, chị H được ra ở riêng trên thửa đất khác, trên đất có một ngôi nhà 3 gian lợp ngói, tường xây gạch chỉ. Đến năm 2004 anh chị mới làm một ngôi nhà 3 gian mái lợp ngói proximang trên thửa đất ông bà Diệu cho anh T, chị H ở để sử dụng từ đó đến nay.Toàn bộ phần nhà trên đất, tài sản đồ dùng sinh hoạt trong nhà do anh chị có được trong suốt 16 năm chung sống vợ chồng. Trong quá trình sử dụng ngôi nhà làm năm 2004 ông Diệu, bà Hữu khai là tiền của ông bà làm cho anh chị sử dụng, năm 2013 anh chị đã sửa chữa nhà nhưng bố mẹ anh T không có ý kiến gì. Ngoài ra đối với bộ đỉnh đồng, sập gụ thờ có trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay vẫn do anh T sử dụng ở nhà riêng của anh và chị H ở trước khi ly hôn (là đồ thờ cúng trong nhà). Tại phiên tòa phúc thẩm ông Diệu không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là tài sản riêng của ông Diệu bà Hữu. Do vậy cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung vợ chồng là có căn cứ. Nên yêu cầu kháng cáo của ông Diệu là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2]Về tình cảm và vấn đề về con chung anh T và chị H không có ý kiến gì khác và không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của ông Diệu không được chấp nhận nên ông Diệu phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan , giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, Hà Nội cụ thể như sau:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H

2.Về con chung: Xác định anh T chị H có 03 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc T, sinh ngày 18/12/2003 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 25/3/2011 và cháu Vũ Thị Tuyết C, sinh ngày 17/9/2007.

Giao cháu Vũ Thị Ngọc T và cháu Vũ Quang H cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Thị Tuyết C cho anh Vũ Văn T nuôi. Chấp nhận sự tự nguyện của Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Quang H cho chị Lê Thị H là: 1.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 02/2019 đến khi cháu Vũ Quang H đủ18 tuổi. Anh Vũ Văn T, chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Vũ Văn T sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gồm:

Một ngôi nhà 03 gian mái lợp tôn làm năm 2004 trị giá: 42.725.000đ tại Cụm 1, NT, P Hà Nội; 01 giếng khoan sâu: 538.000đồng; Một téc nước 01 khối: 800.000đồng; 01 sập gụ thờ: 20.000.000đồng; 01 máy giặt 2.000.000đồng; 01 sập phản gỗ gụ : 25.000.000đồng; 01 gộ đỉnh đồng (có cả cây nến và 02 con hạc): 15.000.000đồng; 01 máy lọc nước: 1.500.000đồng; 01 điều hòa: 4.000.000đồng; 01 tủ quần áo ba buồng (gỗ sồi): 4.000.000đồng; 01 tủ lạnh SHARP: 1.000.000đồng; 01 ti vi sony 43 inh giá 7.000.000đồng; 01 nhà tắm 01 nhà vệ sinh làm 2013: 17.353.000đồng; Sân gạch lát gạch bát: 5.644.000đồng; Tường bao xung quanh thửa đất:18.862.000đồng; Xây tường kè bờ ao làm năm 2013: 4.769.000đồng; Tường hoa: 604.000đồng; 01 máy bơm nước mua 2012: 600.000đồng: 02 cánh cổng sắt: 1.040.000đồng; Mái tôn phía sau nhà: 3.696.000đồng; Sân bê tông phía sau nhà: 2.335.000đồng; Tiền thuê máy múc múc đất lấp ao hết 10 tiếng: 3.000.000đồng; 15 xe ô tô đổ đất màu lên để trồng cây: 15.000.000 đồng; giá trị tiền đổ đất vào diện tích đất kè bờ ao: 3.000.000đồng. Tổng cộng= 199.466.000đồng (Một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

Anh Vũ Văn T phải thanh toán trả chị Lê Thị H số tiền là: 97.790.000đ (chín mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Anh Vũ Văn T phải trả cho anh Vũ Văn T là 3.884.000đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí LHST, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm và 4.986.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai số: 0005256 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án huyện P, thành phố Hà Nội. Anh T còn phải nộp tiếp 5.286.650 đồng.

Chị H phải nộp 4.986.650 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị H đã nộp là 10.000.000 đồng tại biên lai số: 0005323 ngày 17/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội. Hoàn trả lại chị Lê Thị H số tiền 5.013.350 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Vũ Văn T không thanh toán số tiền trên thì anh T còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí ông D đã nộp tại biên lai số: 0005549 ngày 31/01/2019 của Chi cục Thi hành án huyện P, thành phố Hà Nội. Ông D đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2019.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hồng

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân huyện P*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Chi cụcTHADS huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, HSVA.*